

ĐO LƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA THAM NHŨNG VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

PGS.TS. Lê Thị Lanh¹

Huỳnh Thị Uyên Trang¹

TÓM TẮT

Thực tế tham nhũng trong hoạt động đầu tư đang dần trở thành một “thói quen” làm việc của các doanh nghiệp và là một vấn đề đáng báo động đối với Việt Nam hiện nay. Minh chứng cho nhận định trên, mô hình thực nghiệm của chúng tôi nghiên cứu theo mô hình gốc của tác giả Yuan-Ho Hsu đã cho thấy được tác động tiêu cực của tham nhũng đến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, cụ thể là, khi tham nhũng gia tăng hay Chỉ số nhận thức tham nhũng giảm đi 1 điểm sẽ làm cho dòng vốn đầu tư trực tiếp đăng ký vào Việt Nam giảm 1.54%.

ABSTRACT

The reality of corruption in investing activities is becoming a routine work of the enterprise and is an alarming problem for Vietnam today. Evidence for the above, the experimental models have shown the negative impact of corruption to the inflows of foreign direct investment (based on the model of Yuan-Ho Hsu), namely, the increasing corruption or perceived corruption index reduced by 1 point will make direct investment flows into Vietnam reduced registration 1.54%.

1. Tham nhũng, được định nghĩa là hành vi của người lạm dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc cố ý làm trái pháp luật để phục vụ cho lợi ích cá nhân (theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế). Từ năm 1995, Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International – TI) đã công bố hằng năm bảng xếp hạng các quốc gia về mức độ tham nhũng bằng việc đưa ra một chỉ số để đánh giá mức độ tham nhũng tồn tại trong các giới công chức và chính trị gia của một quốc gia, đó là CPI – Corruption Perceptions Index, chỉ số nhận thức tham nhũng. CPI là một chỉ số tổng hợp và được xây dựng từ nhiều nguồn khác nhau với nhiều hình thức điều tra khác nhau của các nhà kinh doanh cũng như đánh giá của giới phân tích quốc gia. Nó đo lường mức

độ cảm nhận của doanh nhân, học giả và các nhà nghiên cứu về rủi ro đến từ tham nhũng. CPI dao động từ 0 đến 10, điểm 10 chỉ một đất nước với mức độ trong sạch cao nhất trong khi điểm 0 chỉ một đất nước mà giao dịch kinh doanh tại đó hoàn toàn bị chi phối bởi tham nhũng. Điểm càng cao chứng tỏ đất nước đó càng có ít tham nhũng. Để đánh giá mức độ tham nhũng ở mỗi quốc gia, Tổ chức Minh bạch Quốc tế sử dụng ít nhất ba nguồn tham khảo. Riêng đối với Việt Nam, TI sử dụng hơn ba nguồn, bao gồm Ngân hàng Thế giới (WB), Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan dự báo kinh tế (EIU),... Việt Nam được đưa vào bảng xếp hạng nhận thức tham nhũng từ năm 1997.

¹Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM.

2. Vấn đề chúng tôi muốn đề cập ở đây chính là tác động của tham nhũng đến FDI vào Việt Nam như thế nào khi ta có những dữ liệu cho một nghiên cứu định lượng về vấn đề này. Các bài nghiên cứu trước đây với nhiều kết quả và nhận định khác nhau. Chúng tôi tập hợp và phân loại thành 3 nhóm quan điểm sau: Tham nhũng có tác động tiêu cực đến thu hút FDI, tham nhũng có tác động tích cực đến thu hút FDI và quan điểm khác gồm có không có tác động, có cả tác động tích cực và tiêu cực, hay trong ngắn hạn và dài hạn thì tác động đó không giống nhau. Bài nghiên cứu này sử dụng mô hình gốc của Yuan-Ho Hsu với kết quả nhận định của ông là tiêu cực.

Trong bài nghiên cứu “Is Corruption a Grabbing Hand? A Panel Data Study of FDI” của Yuan-Ho Hsu, tác giả đã đưa ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng tham nhũng có tác động tiêu cực đến FDI.

$$I_{it} = \alpha_{it} + \beta_{1i}C_{it} + \beta_{2i}GDP_{it} + \beta_{3i}PRD_{it} + \beta_{4i}VA_{it} + \beta_{5i}OPN_{it} + \beta_{6i}SAV_{it} + \beta_{7i}EXR_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong mô hình này, I là dòng vốn FDI cho các nước đang phát triển, tương quan thuận với chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI), năng suất lao động (PRD), quy mô thị trường (GDP), tỷ lệ giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất (VA), độ mở nền kinh tế (OPN) và tương quan nghịch với thay đổi trong tỷ giá hối đoái (EXR) và tỷ lệ tiết kiệm trong nước (SAV).

Lý do sử dụng các nhân tố này, tác giả Yuan-Ho Hsu cho rằng hai động cơ mà các doanh nghiệp đa quốc gia quyết định FDI của mình là tiếp cận thị trường và theo đuổi lợi nhuận (hoặc chi phí thấp), do đó tác giả xem xét các biến quy mô thị trường, năng suất lao động, tỷ lệ giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất và độ mở nền kinh tế. Ngoài ra, sự bất ổn định trong nền kinh tế vĩ mô được xem là không khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài, do đó tác giả sử dụng biến tỷ giá hối đoái để đại diện cho sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cuối

Đầu tiên, ông tập trung vào mức độ ảnh hưởng vĩ mô của tham nhũng đối với FDI. Thứ hai, sự quan tâm chủ yếu của ông tập trung vào nhóm các nước đang phát triển.

Lấy dữ liệu từ 77 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2002-2005, ban đầu tác giả Yuan-Ho Hsu sử dụng mô hình giản đơn, chỉ xem xét mối quan hệ tuyến tính giữa FDI và tham nhũng, với biến phụ thuộc là **Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài** (FDI) và biến độc lập là **Chỉ số nhận thức tham nhũng** (corruption index - CPI), kết quả cho thấy rằng hệ số ước lượng của Chỉ số nhận thức tham nhũng là một số dương và có ý nghĩa thống kê ở khoảng tin cậy 90%, tuy nhiên R^2 chỉ là 0.018 cho thấy chỉ số tham nhũng một mình nó không thể quyết định dòng vốn FDI. Sau đó ông đã sử dụng một mô hình phức tạp hơn để xem xét tác động của 7 nhân tố đến dòng vốn FDI:

cùng là lý do cho việc sử dụng biến tỷ lệ tiết kiệm, tác giả muốn kiểm tra xem đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò bổ sung hay cạnh tranh chống lại sự hình thành vốn trong nước của nền kinh tế nước chủ nhà.

Với các biến được sử dụng, kết quả của mô hình là hệ số điều chỉnh nâng lên 0.788 và các nhân tố đóng góp đáng kể cho dòng vốn FDI là quy mô thị trường, độ mở nền kinh tế và tỷ lệ giá trị gia tăng trong lĩnh vực sản xuất. Bằng chứng thực nghiệm từ nghiên cứu cũng cho thấy rằng FDI tương quan thuận với mức độ minh bạch của nền kinh tế nước chủ nhà và mối quan hệ này có ý nghĩa thống kê.

3. Dựa vào bài nghiên cứu của Yuan-Ho Hsu, bài nghiên cứu của chúng tôi sử dụng mô hình hồi quy áp dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để đo lường mối quan hệ giữa tham nhũng và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại

Việt Nam. Có 2 mô hình được sử dụng: mô hình giản đơn và mô hình đa nhân tố.

Trước tiên chúng tôi chạy mô hình giản đơn xem xét mối quan hệ tuyến tính giữa tham nhũng và FDI. Mô hình với biến

phụ thuộc là Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI và biến độc lập là **Chỉ số nhận thức tham nhũng** CPI như sau:

$$FDI = \beta_0 + \beta_1 CPI \quad (1)$$

Bảng 1: Kết quả hồi quy mô hình giản đơn

Dependent Variable: FDI

Method: Least Squares

Date: 03/30/12 Time: 00:02

Sample: 1998 2011

Included observations: 14

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-146861.9	94436.65	-1.555137	0.1459
CPI	61741.80	36279.64	1.701830	0.1145
R-squared	0.194427	Mean dependent var		13666.79
Adjusted R-squared	0.127296	S.D. dependent var		18215.49
S.E. of regression	17016.66	Akaike info criterion		22.45334
Sum squared resid	3.47E+09	Schwarz criterion		22.54463
Log likelihood	-155.1734	Hannan-Quinn criter.		22.44489
F-statistic	2.896226	Durbin-Watson stat		1.471942
Prob(F-statistic)	0.114529			

Nhìn vào bảng kết quả (Bảng 1) ta thấy hệ số của biến chỉ số nhận thức tham nhũng CPI là tích cực và có ý nghĩa thống kê ở khoảng tin cậy 85%, vì p-value của biến CPI là $0,1145 < 0,15$ (mức ý nghĩa 15%). Tuy nhiên, R^2 của mô hình chỉ ở mức 41,38% ngụ ý rằng chỉ số nhận thức tham nhũng một mình nó không thể giải thích quyết định FDI.

Theo Yuan-Ho Hsu, những nhân tố mà tác giả chọn đều có tác động đáng kể đến dòng vốn FDI. Tuy nhiên, khi đưa mô hình này áp dụng vào Việt Nam, do những hạn chế về khả năng thu thập số liệu nên chúng tôi loại ra một số biến không có ý nghĩa hoặc không cần thiết. Do đó, mô hình mà được chọn gồm có

các biến: Biến phụ thuộc là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); các biến giải thích gồm: Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI), quy mô thị trường (GDP), tỷ giá hối đoái (EXR) và tỷ lệ tiết kiệm quốc gia (SAV).

Tuy nhiên, biến giải thích chính là biến tham nhũng được đại diện bởi Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI). Việc kết hợp thêm một vài biến giải thích khác nhằm làm cho mô hình thực tế và có ý nghĩa hơn. Vấn đề tham nhũng không phải là yếu tố duy nhất có thể ảnh hưởng đến việc ra quyết định của nhà đầu tư nước ngoài. Ổn định chính trị của nước sở tại, môi trường kinh tế vĩ mô, và phát triển thể chế cũng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến

quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hay nói cách khác, thu hút dòng vốn FDI vào một quốc gia chịu tác động bởi nhiều nhân tố như: Quy mô thị trường, nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng, chính sách... Do đó, bài nghiên cứu này kết hợp những yếu tố thể chế và môi trường để điều tra tác động của tham

những đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Với biến phụ thuộc là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và 4 biến độc lập: Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI), quy mô thị trường (GDP), tỷ giá hối đoái (EXR) và tỷ lệ tiết kiệm quốc gia (SAV), mô hình được thiết lập như sau:

$$LOG(FDI_t) = \beta_0 + \beta_1 CPI_t + \beta_2 LOG(GDP_t) + \beta_3 LOG(EXR_t) + \beta_4 SAV_t + \varepsilon_t \quad (2)$$

Trong đó: t là năm với $t = 1, 2, \dots, 14$.

Số liệu của mô hình được lấy trong giai đoạn 1998 – 2011 với nguồn số liệu đối với từng biến như sau:

- FDI: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (www.gso.gov.vn)
- CPI: Chỉ số nhận thức tham nhũng (www.transparency.org)

- GDP: Quy mô thị trường (www.gso.gov.vn)

- EXR: Tỷ giá hối đoái (www.oanda.com)

- SAV: Tỷ lệ tiết kiệm quốc gia (www.wb.org)

4. Với mô hình và nguồn số liệu như vậy, kết quả hồi quy mô hình như sau:

$$LOG(FDI) = 97,83897 + 1,538317 * CPI + 3,838634 * LOG(GDP) - 14,81608 * LOG(EXR) - 7,389537 * SAV \quad (3)$$

Kết quả hồi quy cho thấy mối quan hệ giữa chỉ số nhận thức tham nhũng và FDI là mối quan hệ cùng chiều, hay mối quan hệ giữa tham nhũng và FDI là mối quan hệ ngược chiều. Khi chỉ số nhận thức tham nhũng giảm tức là tham nhũng tăng thì vốn FDI chảy vào Việt Nam sẽ tăng, cụ thể là khi chỉ số nhận thức tham nhũng giảm 1 điểm tức là

tham nhũng tăng lên thì sẽ làm cho FDI giảm 1,54%.

Các biến còn lại như quy mô thị trường GDP, tỷ giá hối đoái EXR và tỷ lệ tiết kiệm quốc gia SAV cũng đều tác động đến đầu tư trực tiếp nước ngoài. Quy mô thị trường có mối tương quan thuận với FDI, hai biến còn lại là tỷ giá hối đoái và tỷ lệ tiết kiệm đều tương quan nghịch với FDI.

Bảng 2: Kết quả hồi quy mô hình đa nhân tố (mô hình 3)

Dependent Variable: LOGFDI

Method: Least Squares

Date: 03/28/12 Time: 11:51

Sample: 1998 2011

Included observations: 14

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	97.83898	12.98065	7.537292	0.0000
CPI	1.538317	0.828052	1.857755	0.0962

LOGGDP	3.838634	0.319917	11.99886	0.0000
LOGEXR	-14.81608	1.808573	-8.192138	0.0000
SAV	-7.389537	2.407511	-3.069368	0.0134
R-squared	0.968807	Mean dependent var		8.975557
Adjusted R-squared	0.954943	S.D. dependent var		1.023353
S.E. of regression	0.217222	Akaike info criterion		0.056662
Sum squared resid	0.424670	Schwarz criterion		0.284897
Log likelihood	4.603365	Hannan-Quinn criter.		0.035535
F-statistic	69.88154	Durbin-Watson stat		2.512296
Prob(F-statistic)	0.000001			

Nguồn: Tính toán của tác giả

Hệ số ước lượng của các biến đều có p-value thấp hơn mức ý nghĩa mà tôi chọn là 10%, bên cạnh đó R^2 là 96,88%, R^2 hiệu chỉnh là 95,49% chứng tỏ mức độ phù hợp của mô hình rất cao, các biến độc lập giải thích được tới 96,88% biến phụ thuộc. Ngoài ra, F-statistic là 69,88% khá cao, với p-value của nó là $0,000001 < 0,1$ (mức ý nghĩa 10%) chứng tỏ tất cả các biến độc lập mà mô hình sử dụng đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc.

Để tăng thêm độ tin cậy cho mô hình, ta tiến hành một số kiểm định như sau:

Kiểm định phương sai sai số thay đổi - Kiểm định White: Kết quả kiểm định cho thấy, với mức ý nghĩa 10%, giá trị p-value của Obs*R-squared là $0,5097 > 0,1$. Do đó mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Kiểm định tự tương quan - Kiểm định Breusch – Godfrey: Kết quả kiểm định B-G, với mức ý nghĩa 10%, giá trị p-value của Obs*R-square bằng $0,4967 > 0,1$. Do đó, ta có thể kết luận là mô hình không tồn tại hiện tượng tự tương quan.

Với kết quả nghiên cứu như trên ta có thể nhận thấy hệ số của biến Chỉ số nhận thức tham nhũng là tích cực và đáng kể. Nghĩa là, mức độ minh bạch cao hay mức

độ tham nhũng thấp góp phần thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào bên trong một quốc gia cao. Kết quả này cho thấy rằng tham nhũng cản trở đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Xem qua một số biến còn lại, hai biến độc lập tỷ lệ tiết kiệm (SAV) và tỷ giá hối đoái (EXR) có dấu hiệu tiêu cực trên mô hình 3. Điều này cho thấy rằng tiết kiệm trong nước cao và biến động của tỷ giá hối đoái danh nghĩa trong nền kinh tế sẽ làm giảm FDI vào Việt Nam. Điều này dễ hiểu rằng sự thay đổi trong tỷ giá hối đoái danh nghĩa dẫn đến sự không chắc chắn trong vốn đầu tư nước ngoài, vì sự không chắc chắn này đe dọa đến doanh thu của nhà đầu tư nước ngoài và những rủi ro chuyển đổi tiền tệ với số vốn FDI cam kết và do đó cản trở dòng vốn FDI.

Các dấu hiệu của tỷ lệ tiết kiệm SAV trên mô hình 3 là tiêu cực và có ý nghĩa quan trọng trong mô hình. Có thể nói các nền kinh tế phát triển với tỷ lệ tiết kiệm nội địa cao và hình thành vốn trong nước cao làm cho vốn đầu tư nước ngoài chưa có vị trí đáng kể trong nước. Kết quả này cho thấy vốn đầu tư nước ngoài đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn vốn

cần thiết cho một nền kinh tế đang phát triển với tỷ lệ tiết kiệm thấp.

Và biến độc lập còn lại là quy mô thị trường (GDP) ảnh hưởng đến mục tiêu theo đuổi chính của FDI là lợi nhuận. Thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất cao sẽ tạo ra lợi nhuận cao. Tuy nhiên, lợi nhuận tiềm năng này chỉ có thể có khi sản phẩm đầu ra đã được bán. Do đó, quy mô thị trường có thể đại diện cho điều này.

Kết quả thực nghiệm của mô hình 3 cho thấy rằng tất cả bốn biến là yếu tố quyết định quan trọng đóng góp tích cực để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Tham nhũng, tỷ giá hối đoái và tỷ lệ tiết kiệm tác động tiêu cực đến FDI trong khi quy mô của thị trường lại làm tăng khối lượng của dòng vốn FDI.

5. Chỉ số nhận thức tham nhũng của Việt Nam mặc dù được cải thiện trong giai đoạn mà tôi nghiên cứu, tuy nhiên chỉ số này luôn ở mức thấp và có rất ít thay đổi qua các năm. Điều này chứng tỏ, tham nhũng tại Việt Nam vẫn đang là một tồn tại lớn, và tác động của tham nhũng tới khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài là một tác động xấu cần được loại bỏ. Tham nhũng xuất phát từ sự tha hóa quyền lực mà nguyên nhân sâu xa là xuất phát từ hệ thống tổ chức, thể chế chính trị kinh tế, văn hóa. Một biểu hiện có thể thấy rõ là bộ máy hành chính của Việt Nam làm việc không hiệu quả, vẫn còn tồn tại nhiều những yếu kém và trở ngại trong việc tạo ra một môi trường kinh doanh tốt cho các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó là hệ thống qui phạm pháp luật còn nhiều sơ hở, thiếu cơ chế giám sát, những thủ tục hành chính rườm rà, tốn nhiều thời gian. Do đó, đề xuất chính sách loại bỏ tham nhũng, bài nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị:

- Thứ nhất, cần phải cải thiện môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư. Môi trường pháp lý có vai trò quan trọng trong việc thu hút các nhà đầu

tư nước ngoài. Thể chế chính trị ổn định, thủ tục đầu tư đơn giản và nhiều chính sách khuyến khích, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư là những vấn đề cần được quan tâm. Chính phủ cần thực hiện phân cấp, phân quyền, nâng cao quyền hạn nhiều hơn cho các tỉnh, thành phố trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI và những đặc quyền trong quản lý, phê chuẩn dự án đầu tư.

- Thứ hai, hệ thống pháp luật cần phải đồng bộ, đảm bảo cho nhà đầu tư nước ngoài được hưởng mức lợi nhuận thỏa đáng bằng cách thường xuyên bổ sung, sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài, đảm bảo tính thực thi nghiêm túc. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát kịp thời phát hiện và ngăn chặn hành vi tham nhũng, tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và cơ quan công quyền, nhất là những bộ phận quản lý nhiều tài sản, có quan hệ quản lý trực tiếp với các doanh nghiệp, nhân dân nhằm ngăn chặn hành vi sách nhiễu. Những hoạt động thanh tra trái phép, thu lệ phí hay áp đặt thuế sai quy định đối với các doanh nghiệp nước ngoài cần được xử lý bởi những biện pháp nghiêm khắc, có chế tài xử phạt hợp lý, tránh tình trạng bao che, ém chuyện, thông tin không được công bố. Hơn nữa, bộ máy hành chính cần gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả hơn, xóa bỏ các thủ tục rườm rà, phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và công dân, công khai hóa thủ tục hành chính, đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc.
- Thứ ba, một trong những nguyên nhân dẫn đến tham nhũng là thông tin thiếu tính minh bạch. Cần có những kênh thông tin đáng tin cậy cho nhà đầu tư về các kế hoạch phát

triển kinh tế từng giai đoạn ngắn, trung và dài hạn, hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành được khuyến khích phát triển. Bên cạnh những thông tin về đầu tư, cần có những thông tin về pháp luật cùng những chế tài áp dụng cho các vụ tham nhũng xảy ra trong đầu tư, cụ thể, đầy đủ và minh bạch trong từng vụ án.

- Thứ tư, sử dụng các kênh thông tin tuyên truyền cũng như giáo dục nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của người dân, tổ chức, các doanh nghiệp để họ không cho rằng hối lộ là một “văn hóa kinh doanh”, khuyến khích công dân tố cáo các cá nhân tham nhũng. Bên cạnh đó, cần có những biện pháp bảo mật danh tính của người thông báo về tham nhũng, đảm bảo hệ thống bảo vệ tốt hơn cho những người phát hiện tham nhũng. Để việc tố giác các cá nhân tham nhũng trở thành hành động tự giác trong dân và để người dân an tâm hơn khi đi tố giác thì Nhà nước cần có những thông báo, quy định cụ thể như là đưa ra mức thưởng cho những người thông báo chính xác về tham nhũng, lập đường dây nóng để người dân thông báo về các hành vi tham nhũng...
- Thứ năm, tham nhũng xuất phát từ lòng tham đối với tiền của con người, đặc biệt xảy ra chủ yếu trong bộ máy hành chính nhà nước, một phần nguyên nhân là do mức lương của cán bộ công chức thấp, không đáp ứng đủ nhu cầu cuộc sống, bên cạnh đó thời kỳ đương nhiệm chức vụ của họ có hạn, vì thế họ có thể tranh thủ “thu vén” lợi nhuận lúc còn có thể. Vì vậy cần phải cải cách cơ bản chế độ tiền lương dành cho các cán bộ công chức nhà nước. Bên cạnh đó,

cần phải chú trọng việc giáo dục đạo đức cho họ, tổ chức những cuộc thi sát hạch đầu vào nghiêm khắc đối với các cán bộ công chức nhà nước.

6. Với mục đích là nghiên cứu tác động của tham nhũng tới dòng vốn FDI vào Việt Nam, bài nghiên cứu đã đưa ra được kết luận là tham nhũng tăng sẽ làm cho dòng vốn FDI vào Việt Nam giảm sút. Tuy nhiên mô hình nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế:

- Xuất phát từ hạn chế về số liệu nghiên cứu, từ năm 1997 Việt Nam mới được đưa vào bảng xếp hạng Chỉ số nhận thức tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, nên số kỳ quan sát của mô hình nghiên cứu là ít (14 kỳ quan sát theo năm) trong khoảng thời gian ngắn 1998-2011, do đó không phản ánh sâu sắc được biến động của các biến giải thích trong mô hình.
- Chỉ số nhận thức tham nhũng ít thay đổi trong giai đoạn từ năm 1998 – 2011, thậm chí không hề thay đổi qua nhiều năm như 2004-2007 ở mức điểm 2.6, 2008-2010 ở mức điểm 2.7, điều này có thể làm cho mức độ tác động của tham nhũng lên FDI là thấp hơn so với các biến còn lại.
- Do mối liên hệ mật thiết khi ứng dụng vào thực tế giữa các biến với nhau (ví dụ như sự thay đổi nhỏ trong tỷ giá có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến GDP...) có thể tham khảo trong bảng biểu hiện mối tương quan giữa các biến trong mô hình, đi kèm theo đó là độ dài và độ lớn của dữ liệu bị hạn chế, nên kết quả hồi quy thu được có thể bị sai lệch so với thực tế.
- Do định lượng qua mô hình hồi quy nên bài nghiên cứu chỉ có thể đưa ra kết luận về tác động tiêu cực của tham nhũng tới lượng FDI đăng ký vào Việt Nam mà chưa thể cho thấy xu hướng tác động của tham nhũng đối với cơ

cấu FDI, sự phân phối luồng FDI theo ngành và vùng kinh tế, cũng như mức độ giải ngân hàng năm của các dự án FDI được cấp phép.

7. Nghiên cứu về tác động kinh tế của tham nhũng đối với FDI là một vấn đề mới và khá nhạy cảm tại Việt Nam. Hạn chế chủ yếu của bài nghiên cứu là số kỳ quan sát chưa đủ lớn, do đó, trong tương lai khi những dữ liệu hoàn chỉnh và số kỳ nghiên

cứu đủ lớn, hướng nghiên cứu sẽ tiếp tục được hoàn thiện và bổ sung. Ngoài ra, theo tham khảo từ một số bài nghiên cứu nước ngoài, tham nhũng có độ trễ tức là những tác động của tham nhũng chưa biểu hiện tức thời trong ngắn hạn mà cần phải xét trong dài hạn. Do đó, bài viết muốn hướng tới nghiên cứu tác động của tham nhũng trong thời gian dài đến đầu tư thông qua việc dự báo tác động của tham nhũng đến FDI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Yuan-Ho Hsu, "Is Corruption a Grabbing Hand? A Panel Data Study of FDI".
2. Matthew A, Cole, Robert J,R, Elliot and Jing Zang, "Corruption, Governance and FDI Location in China: A Province-level Analysis".
3. Ahmad Jafari Samimi, Maryam Monfared "Corruption and FDI in OIC Countries".
4. Tobias Dahlstrom and Andreas Johnson (2007), "Bureaucratic Corruption, MNEs and FDI".